BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỐ: 5693 /QĐ-ĐHSPHN-ĐT

Hà Nội, ngày 6 tháng 8 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận kết quả thi tiếng Anh tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

Căn cứ Nghị định số 276/NĐ ngày 11 - 10 - 1951 của Bộ Quốc gia Giáo dục về việc thành lập Trường Sư phạm cao cấp (nay là Trường Đại học Sư phạm Hà Nội);

Căn cứ Điều lệ Trường Đại học ban hành theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ thông báo số 42/TB-BGDĐT ngày 11/1/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công nhận năng lực khảo thí của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội để thực hiện nhiệm vụ rà soát năng lực Tiếng Anh theo Khung tham chiếu Châu Âu;

Căn cứ quyết định số 1481/QĐ-BGDĐT ngày 10/5/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Định dạng đề thi đánh giá năng lực sử dụng tiếng Anh bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (dành cho người lớn);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công nhận kết quả thi tiếng Anh trình độ A2 tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội – Kỳ thi buổi sáng ngày 07/7/2018 (mã lớp: 111, địa điểm thi: Nhà K) gồm 245 thí sinh (danh sách kèm theo).

Điều 2: Các ông (bà) Trưởng các phòng chức năng, Trưởng các khoa và các ông (bà) có tên ở điều 1 có trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- *Như điều 2;*
- *Lưu VT, ĐT.*

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

GS.TS. Nguyễn Văn Minh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP-TỰ DO-HẠNH PHÚC

BẢNG ĐIỂM

LỚP KHẢO SÁT NĂNG LỰC TIẾNG ANH A2 _LỚP CCTA111_TẠI ĐH SƯ PHẠM HÀ NỘI
(Kèm theo quyết định số 5693/QĐ-ĐHSPHN ngày 6 tháng 8 năm 2018)

Stt	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	nghe-25	noi-25	doc-25	viet-25	TBC	Ghi chú
1	001	Đào Phương Anh	Nữ	14-05-1994	21	20	17	16	7.5	A2
2	002	Đỗ Thị Hoàng Anh	Nữ	13-12-1982	23	17	21	15	7.5	A2
3	003	Đỗ Thị Kiều Anh	Nữ	24-08-1990	21	19	21	16	7.5	A2
4	004	Đỗ Vi Vũ Anh	Nam	25-09-1993	22	20	21	15	8	A2
5	005	Lê Ngọc Anh	Nữ	01-07-1987	24	18	22	15	8	A2
6	006	Lê Việt Anh	Nam	23-10-1994	24	15	23	15	7.5	A2
7	007	Nghiêm Tùng Anh	Nam	22-12-1991	24	19	24	15	8	A2
8	008	Nguyễn Duy Anh	Nam	25-11-1992	24	21	23	16	8.5	A2
9	009	Nguyễn Đức Anh	Nam	30-04-1991	24	24	21	15	8.5	A2
10	010	Nguyễn Thị Lan Anh	Nữ	02-07-1983	20	17	22	16	7.5	A2
11	011	Nguyễn Thùy Anh	Nữ	12-12-1979	22	20	21	15	8	A2
12	012	Nguyễn Tuấn Anh	Nam	10-10-1984	22	23	23	15	8.5	A2
13	013	Trần Thị Kim Anh	Nữ	08-03-1988	23	21	23	18	8.5	A2
14	014	Trần Thị Lan Anh	Nữ	14-10-1983	22	15	20	15	7	A2
15	015	Vũ Thị Lan Anh	Nữ	15-08-1994	24	17	19	15	7.5	A2
16	016	Lê Thị Ngọc ánh	Nữ	28-02-1993	22	17	21	15	7.5	A2
17	017	Đào Xuân Bách	Nam	27-10-1990	20	20	22	15	7.5	A2
18	018	Nguyễn Tiến Bình	Nam	21-10-1990	23	25	22	16	8.5	A2
19	019	Đinh Thị Bích	Nữ	07-07-1981	22	15	23	15	7.5	A2
20	020	Phạm Ngọc Bích	Nữ	22-01-1988	20	17	23	14	7.5	A2
21	021	Đỗ Văn Cảnh	Nam	26-06-1993	15	15	23	13	6.5	A2
22	022	Nguyễn Đức Cảnh	Nam	03-05-1993	17	22	15	18	7	A2
23	023	Trần Hữu Cảnh	Nam	24-11-1991	22	22	19	16	8	A2
24	024	Vũ Quang Chẩn	Nam	30-01-1981	18	23	21	15	7.5	A2
25	025	Nguyễn Thị Linh Chi	Nữ	05-02-1994	21	16	17	16	7	A2
26	026	Nguyễn Viết Chiến	Nam	11-10-1989	19	18	22	15	7.5	A2
27	027	Phạm Thị Chinh	Nữ	15-09-1991	19	25	22	16	8	A2
28	028	Nguyễn Đình Công	Nam	03-08-1994	18	19	22	15	7.5	A2
29	029	Phan Thành Công	Nam	10-10-1993	20	18	20	15	7.5	A2
30	030	Trịnh Thị Cơ	Nữ	02-08-1992	22	21	17	15	7.5	A2
31	031	Nguyễn Thị Cúc	Nữ	15-03-1992	18	20	18	16	7	A2
32	032	Nguyễn Văn Cương	Nam	04-11-1991	19	19	20	15	7.5	A2

Stt	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	nghe-25	noi-25	doc-25	viet-25	TBC	Ghi chú
33	033	Lê Việt Cường	Nam	15-10-1970	18	22	19	16	7.5	A2
34	034	Nguyễn Đình Cường	Nam	01-01-1982	20	16	20	15	7	A2
35	035	Trần Ngọc Cường	Nam	16-06-1992	21	17	23	15	7.5	A2
36	036	Nguyễn Thị Dung	Nữ	31-08-1994	20	23	23	15	8	A2
37	037	Trương Tiến Duy	Nam	22-03-1995	20	15	20	15	7	A2
38	038	Đặng Hữu Dũng	Nam	28-06-1987	23	22	21	15	8	A2
39	039	Đinh Khắc Dũng	Nam	28-12-1990	19	25	19	15	8	A2
40	040	Hoàng Đức Dũng	Nam	20-10-1983	16	17	17	17	6.5	A2
41	041	Nguyễn Huy Dũng	Nam	07-03-1995	17	17	18	15	6.5	A2
42	042	Nguyễn Tiến Dũng	Nam	31-01-1995	19	15	22	15	7	A2
43	043	Nguyễn Tuấn Dũng	Nam	17-10-1994	20	22	23	15	8	A2
44	044	Nguyễn Việt Dũng	Nam	17-10-1970	19	20	21	15	7.5	A2
45	045	Tăng Văn Dũng	Nam	12-09-1995	19	16	21	15	7	A2
46	046	Bùi Bá Dương	Nam	06-10-1994	18	16	22	13	7	A2
47	047	Đặng Đại Dương	Nam	09-08-1993	17	19	20	13	7	A2
48	048	Nguyễn Quang Dương	Nam	18-05-1981	20	21	22	15	8	A2
49	049	Phan Thanh Dương	Nam	07-05-1990	18	19	22	15	7.5	A2
50	050	Võ Thị Dương	Nữ	07-09-1990	21	16	20	15	7	A2
51	051	Vũ Thị Thùy Dương	Nam	29-09-1994	20	18	22	14	7.5	A2
52	052	Phạm Gia Dự	Nam	04-12-1989	22	19	24	15	8	A2
53	053	Nguyễn Nhân Đạo	Nam	27-04-1991	22	18	24	15	8	A2
54	054	Đoàn Hữu Đạt	Nam	12-08-1989	20	25	21	13	8	A2
55	055	Mai Tiến Đạt	Nam	04-12-1989	24	20	22	15	8	A2
56	056	Nguyễn Cầu Đạt	Nam	13-11-1996	18	17	24	14	7.5	A2
57	057	Nguyễn Hoàng Tiến Đạt	Nam	09-12-1994	18	16	24	14	7	A2
58	058	Nguyễn Quốc Đạt	Nam	25-04-1986	21	20	24	16	8	A2
59	059	Chu Thị Ngọc Điệp	Nữ	09-02-1994	21	17	24	15	7.5	A2
60	060	Đàm Đình Đoàn	Nam	05-10-1988	21	16	24	16	7.5	A2
61	061	Nguyễn Quang Đông	Nam	09-10-1990	17	18	24	15	7.5	A2
62	062	Nguyễn Văn Đốc	Nam	06-05-1990	17	18	24	15	7.5	A2
63	063	Nguyễn Minh Đức	Nam	15-03-1991	22	25	24	15	8.5	A2
64	064	Phạm Bá Đức	Nam	05-08-1990	23	16	21	15	7.5	A2
65	065	Lê Thị Giang	Nữ	14-06-1992	21	19	21	15	7.5	A2
66	066	Mai Sỹ Giang	Nam	01-10-1982	22	23	21	15	8	A2
67	067	Nguyễn Trường Giang	Nam	02-09-1993	19	20	17	14	7	A2
68	068	Lê Thị Hay	Nữ	04-12-1989	23	16	21	15	7.5	A2
69	069	Bùi Thị Diệu Hà	Nữ	19-08-1991	23	22	21	16	8	A2
70	070	Cát Phan Hà	Nam	05-11-1970	23	23	21	15	8	A2

Stt	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	nghe-25	noi-25	doc-25	viet-25	TBC	Ghi chú
71	071	Đỗ Ngọc Hà	Nữ	15-03-1990	23	21	22	16	8	A2
72	072	Lê Thị Thu Hà	Nữ	02-12-1991	20	23	20	16	8	A2
73	073	Nguyễn Thị Hà	Nữ	25-08-1982	22	16	20	15	7.5	A2
74	074	Trần Thị Thái Hà	Nữ	03-11-1994	22	24	20	15	8	A2
75	075	Triệu Thị Thu Hà	Nữ	13-03-1980	24	21	21	14	8	A2
76	076	Dương Thị Minh Hải	Nam	09-09-1981	22	15	22	15	7.5	A2
77	077	Hoàng Thị Hải	Nam	23-10-1992	24	19	22	15	8	A2
78	078	Lưu Thanh Hải	Nam	10-03-1980	24	19	22	16	8	A2
79	079	Nguyễn Hữu Hải	Nam	13-07-1982	22	16	21	15	7.5	A2
80	080	Phạm Tiến Hải	Nam	13-11-1976	22	18	21	15	7.5	A2
81	081	Nguyễn Thị Hảo	Nữ	15-10-1992	22	18	21	15	7.5	A2
82	082	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Nữ	06-04-1982	24	18	20	15	7.5	A2
83	083	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Nữ	29-01-1992	22	18	17	15	7	A2
84	084	Đỗ Thị Thanh Hằng	Nữ	22-04-1995	24	16	20	15	7.5	A2
85	085	Nguyễn Thị Hằng	Nữ	01-03-1990	19	20	23	16	8	A2
86	086	Trần Thị Hậu	Nữ	01-09-1990	20	19	23	16	8	A2
87	087	Triệu Thị Hiên	Nữ	13-05-1989	22	17	20	15	7.5	A2
88	088	Nguyễn Thị Hiền	Nữ	13-01-1994	21	18	15	15	7	A2
89	089	Nguyễn Thị Hiếu	Nữ	16-08-1985	23	18	23	15	8	A2
90	090	Đoàn Thị Thanh Hoa	Nữ	04-08-1995	23	15	23	15	7.5	A2
91	091	Nghiêm Lê Phương Hoa	Nữ	29-10-1982	24	22	22	15	8.5	A2
92	092	Nguyễn Phương Hoa	Nữ	28-12-1997	24	15	21	16	7.5	A2
93	093	Nguyễn Thị Hoa	Nữ	11-07-1993	17	17	17	15	6.5	A2
94	094	Dương Thanh Hoài	Nữ	23-09-1988	21	15	18	15	7	A2
95	095	Nguyễn Thu Hoài	Nữ	12-02-1995	20	16	19	15	7	A2
96	096	Lưu Quốc Hoàn	Nam	18-01-1985	20	17	18	15	7	A2
97	097	Hồ Diễn Hoàng	Nam	20-02-1989	18	15	23	16	7	A2
98	098	Nguyễn Huy Hoàng	Nam	13-08-1995	18	16	24	15	7.5	A2
99	099	Phạm Vũ Minh Hoàng	Nam	20-11-1992	17	21	23	16	7.5	A2
100	100	Quách Gia Hoàng	Nam	25-10-1991	21	15	23	15	7.5	A2
101	101	Vũ Huy Hoàng	Nam	03-06-1991	21	22	24	16	8.5	A2
102	102	Nguyễn Thị Hòa	Nữ	25-03-1983	21	16	24	15	7.5	A2
103	103	Vũ Thị Thanh Hòa	Nữ	19-05-1983	20	17	20	16	7.5	A2
104	104	Bùi Thị Hồng	Nữ	26-04-1973	20	17	21	15	7.5	A2
105	105	Nguyễn Thị Thúy Hồng	Nữ	07-02-1976	20	19	20	15	7.5	A2
106	106	Lưu Quang Hội	Nam	09-07-1989	21	21	20	16	8	A2
107	107	Bùi Thị Huệ	Nữ	30-04-1994	18	16	20	16	7	A2
108	108	Trần Minh Huệ	Nữ	22-03-1990	19	18	23	16	7.5	A2

Stt	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	nghe-25	noi-25	doc-25	viet-25	TBC	Ghi chú
109	109	Vũ Thị Huệ	Nữ	20-09-1993	19	17	22	15	7.5	A2
110	110	Đào Quốc Huy	Nam	24-12-1980	21	18	18	15	7	A2
111	111	Đinh Quốc Huy	Nam	06-08-1990	19	18	20	16	7.5	A2
112	112	Lê Duy Huy	Nam	24-08-1994	18	15	16	16	6.5	A2
113	113	Nguyễn Công Huy	Nam	16-09-1990	21	19	23	15	8	A2
114	114	Nguyễn Văn Huy	Nam	07-09-1980	18	19	18	16	7	A2
115	115	Đậu Thị Huyền	Nữ	18-08-1995	19	16	16	15	6.5	A2
116	116	Hoàng Thu Huyền	Nữ	31-10-1995	19	16	19	16	7	A2
117	117	Vũ Thị Thanh Huyền	Nữ	20-10-1979	20	17	21	16	7.5	A2
118	118	Nguyễn Đức Hùy	Nam	06-09-1982	20	15	15	15	6.5	A2
119	119	Phạm Văn Hưng	Nam	15-11-1993	20	16	16	15	6.5	A2
120	120	Đỗ Thị Lan Hương	Nữ	11-08-1995	20	20	18	20	8	A2
121	121	Nguyễn Thị Hương	Nữ	08-02-1994	18	18	19	20	7.5	A2
122	122	Nguyễn Thị Hương	Nữ	03-06-1994	19	15	18	20	7	A2
123	123	Nguyễn Thị Hương	Nữ	19-10-1991	19	22	19	20	8	A2
124	124	Nguyễn Thị Lan Hương	Nữ	27-08-1979	20	15	15	18	7	A2
125	125	Nguyễn Thị Thanh Hương	Nữ	15-10-1992	16	17	18	17	7	A2
126	126	Nguyễn Thu Hương	Nữ	20-03-1995	23	21	24	21	9	A2
127	127	Nguyễn Thu Hương	Nữ	05-12-1989	24	20	24	23	9	A2
128	128	Đinh Thị Hường	Nữ	31-08-1993	20	17	14	20	7	A2
129	129	Đinh Thị Thu Hường	Nữ	13-07-1991	20	15	20	19	7.5	A2
130	130	Nguyễn Thúy Hường	Nữ	17-08-1995	19	22	20	22	8.5	A2
131	131	Phạm Thị Hường	Nữ	22-04-1993	20	15	19	18	7	A2
132	132	Nguyễn Đình Hưởng	Nam	20-02-1995	19	23	22	21	8.5	A2
133	133	Dương Đức Hữu	Nam	17-10-1992	23	23	23	22	9	A2
134	134	Nguyễn Thị Khang	Nữ	01-10-1984	19	16	20	16	7	A2
135	135	Nguyễn Thế Khánh	Nam	14-01-1984	22	15	20	15	7	A2
136	136	Nguyễn Đức Khải	Nam	30-09-1991	20	21	21	23	8.5	A2
137	137	Nguyễn Thị Khoa	Nữ	22-02-1990	18	15	21	16	7	A2
138	138	Phạm Trọng Kiên	Nam	14-02-1993	19	16	21	16	7	A2
139	139	Lê Văn Kỳ	Nam	07-07-1990	19	21	21	22	8.5	A2
140	140	Nguyễn Thị Ngọc Lan	Nữ	05-12-1994	18	16	20	15	7	A2
141	141	Lê Thị Lâm	Nữ	07-01-1988	22	18	15	18	7.5	A2
142	142	Vũ Thị Lệ	Nữ	31-08-1993	24	18	23	19	8.5	A2
143	143	Nguyễn Thị Liên	Nữ	24-01-1995	22	16	22	19	8	A2
144	144	Nguyễn Thị Liên	Nữ	30-11-1993	23	19	22	19	8.5	A2
145	145	Mai Thị Châu Linh	Nữ	27-04-1993	23	22	23	22	9	A2
146	146	Nguyễn Giang Linh	Nam	04-04-1989	25	25	24	23	9.5	A2

Stt	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	nghe-25	noi-25	doc-25	viet-25	TBC	Ghi chú
147	147	Nguyễn Phương Linh	Nữ	11-03-1994	24	16	24	15	8	A2
148	148	Nguyễn Thị Linh	Nữ	10-04-1994	25	19	24	17	8.5	A2
149	149	Nguyễn Thị Ngọc Linh	Nữ	11-12-1991	25	17	24	18	8.5	A2
150	150	Nguyễn Thị Thúy Linh	Nữ	26-07-1988	24	20	23	20	8.5	A2
151	151	Phạm Mỹ Linh	Nữ	11-07-1996	22	16	20	17	7.5	A2
152	152	Trần Thị Thùy Linh	Nữ	11-09-1990	21	19	24	16	8	A2
153	153	Vương Thị Thùy Linh	Nữ	11-01-1995	23	18	20	16	7.5	A2
154	154	Bùi Thị Thanh Loan	Nữ	27-03-1995	25	16	20	14	7.5	A2
155	155	Nguyễn Thị Thanh Loan	Nữ	17-11-1989					0	
156	156	Dương Minh Long	Nam	08-12-1992	24	24	22	22	9	A2
157	157	Nguyễn Văn Long	Nam	07-02-1990	23	17	21	13	7.5	A2
158	158	Trần Văn Long	Nam	31-01-1991	17	19	18	15	7	A2
159	159	Vũ Thị Kiều Lộc	Nữ	22-11-1989	17	17	15	21	7	A2
160	160	Nguyễn Thành Luân	Nam	24-07-1995	15	17	16	20	7	A2
161	161	Bùi Thị Lương	Nữ	01-03-1993	17	18	13	20	7	A2
162	162	Trần Sinh Lượng	Nam	13-01-1996	17	19	15	18	7	A2
163	163	Mai Sao Ly	Nữ	21-02-1994	20	17	14	17	7	A2
164	164	Nguyễn Thị Minh Lý	Nữ	09-09-1996	22	19	20	15	7.5	A2
165	165	Đỗ Thị Thanh Mai	Nữ	11-02-1990	22	20	19	16	7.5	A2
166	166	Phạm Hà Mai	Nữ	19-10-1993	20	21	20	15	7.5	A2
167	167	Nguyễn Thị Mạnh	Nữ	05-11-1990	19	19	20	14	7	A2
168	168	Lê Ngọc Mây	Nữ	16-01-1988	18	23	22	21	8.5	A2
169	169	Đặng Quốc Minh	Nam	21-03-1983	22	15	21	12	7	A2
170	170	Hoàng Lê Minh	Nam	17-11-1988	19	21	19	19	8	A2
171	171	Nguyễn Hoàng Minh	Nam	15-12-1988	19	17	20	21	7.5	A2
172	172	Tạ Thị Hồng Minh	Nữ	28-02-1990	22	18	22	20	8	A2
173	173	Vũ Lê Minh	Nam	15-06-1990	21	19	23	21	8.5	A2
174	174	Tạ Thị Mơ	Nữ	12-11-1981	21	15	22	12	7	A2
175	175	Vương Thị Mơ	Nữ	22-02-1990	21	19	17	14	7	A2
176	176	Trịnh Thị Mùa	Nữ	10-08-1976	19	17	20	17	7.5	A2
177	177	Đồng Thị Mùi	Nữ	13-08-1991	20	16	18	17	7	A2
178	178	Nguyễn Trà My	Nữ	16-04-1995	24	23	21	19	8.5	A2
179	179	Phạm Thị Huyền My	Nữ	19-11-1995	22	17	24	12	7.5	A2
180	180	Đỗ Thị Mỹ	Nữ	07-09-1996	19	18	20	16	7.5	A2
181	181	Vũ Thị Hoa Mỹ	Nữ	19-11-1993	19	16	18	17	7	A2
182	182	Nguyễn Ngọc Nam	Nam	08-04-1977	20	16	24	15	7.5	A2
183	183	Trần Hoàng Nam	Nam	28-05-1992	21	20	24	18	8.5	A2
184	184	Đào Thanh Nga	Nữ	31-10-1990	23	20	24	14	8	A2

Stt	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	nghe-25	noi-25	doc-25	viet-25	TBC	Ghi chú
185	185	Lê Thị Nga	Nữ	26-12-1994	20	19	20	21	8	A2
186	186	Nguyễn Thị Phương Nga	Nữ	19-03-1991	16	20	13	21	7	A2
187	187	Trần Thị Thanh Nga	Nữ	13-07-1989	17	16	15	19	6.5	A2
188	188	Mai Thị Ngân	Nữ	20-09-1991	19	16	17	19	7	A2
189	189	Nguyễn Thị Thùy Ngân	Nữ	13-12-1991	22	16	21	12	7	A2
190	190	Phạm Văn Nghị	Nam	04-11-1994	22	18	22	15	7.5	A2
191	191	Ngô Thị ánh Ngọc	Nữ	10-08-1994	16	16	21	18	7	A2
192	192	Nguyễn Thị Ngọc	Nữ	15-08-1994	22	16	22	12	7	A2
193	193	Trần Như Ngọc	Nữ	11-09-1994	22	17	22	14	7.5	A2
194	194	Phan Đức Nguyên	Nam	29-09-1975	22	15	22	12	7	A2
195	195	Phí Thị Nguyệt	Nữ	18-11-1991	21	18	18	16	7.5	A2
196	196	Nguyễn Hồng Nhanh	Nam	22-02-1995	19	19	18	19	7.5	A2
197	197	Nguyễn Đăng Nhàn	Nam	09-07-1990	18	16	18	17	7	A2
198	198	Nguyễn Đăng Nhật	Nam	25-10-1993	22	20	19	15	7.5	A2
199	199	Đinh Thị Nhị	Nữ	16-03-1996	22	19	17	16	7.5	A2
200	200	Đỗ Thị Tuyết Nhung	Nữ	21-05-1991	21	16	22	15	7.5	A2
201	201	Lê Hồng Nhung	Nữ	20-10-1993	22	22	21	18	8.5	A2
202	202	Nguyễn Thị Đức Nhung	Nữ	19-11-1978	22	16	21	15	7.5	A2
203	203	Phí Thị Nhung	Nữ	26-12-1997	22	17	20	14	7.5	A2
204	204	Tạ Thị Hồng Nhung	Nữ	16-11-1996	21	18	20	15	7.5	A2
205	205	Phạm Quang Anh Ninh	Nam	12-10-1993	21	19	21	12	7.5	A2
206	206	Nguyễn Thị Nụ	Nữ	02-02-1985	20	16	23	13	7	A2
207	207	Bùi Thị Phương Oanh	Nữ	22-12-1995	21	17	21	13	7	A2
208	208	Nguyễn Sỹ Phong	Nam	02-05-1994	22	21	21	13	7.5	A2
209	209	Đàm Thị Lan Phương	Nữ	11-03-1992	22	19	21	14	7.5	A2
210	210	Nguyễn Mai Phương	Nữ	17-10-1994	22	15	22	12	7	A2
211	211	Nguyễn Thị Bích Phương	Nữ	21-01-1988	22		21	14	5.5	
212	212	Nguyễn Thị Thanh Phương	Nữ	18-10-1995	22	15	21	14	7	A2
213	213	Nguyễn Thị Thu Phương	Nữ	19-01-1983	21	16	22	12	7	A2
214	214	Bùi Thị Phượng	Nữ	15-04-1985	14	18	20	17	7	A2
215	215	Phạm Văn Phượng	Nam	11-11-1980	15	20	15	20	7	A2
216	216	Nguyễn Văn Quân	Nam	14-11-1990	20	16	20	12	7	A2
217	217	Đào Thị Ngọc Quyên	Nữ	20-01-1985	19	17	20	17	7.5	A2
218	218	Nguyễn Thị Hồng Quyên	Nữ	10-05-1995	19	19	20	19	7.5	A2
219	219	Bùi Văn Quyền	Nam	20-07-1988	23	19	18	16	7.5	A2
220	220	Vũ Văn Quyết	Nam	26-07-1993	23	17	19	17	7.5	A2
221	221	Lê Thị Hương Quỳnh	Nữ	15-10-1995	22	22	18	16	8	A2
222	222	Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Nữ	30-06-1992	23	19	18	17	7.5	A2

Stt	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	nghe-25	noi-25	doc-25	viet-25	TBC	Ghi chú
223	223	Nguyễn Thị Như Quỳnh	Nữ	10-11-1995	20	20	20	17	7.5	A2
224	224	Nguyễn Trần Quang Sáng	Nam	12-09-1984	20	20	20	13	7.5	A2
225	225	Hoàng Minh Sâm	Nam	14-06-1992	20	19	20	12	7	A2
226	226	Phạm Thị Sen	Nữ	15-07-1992	20	16	23	15	7.5	A2
227	227	Phạm Trọng Sơn	Nam	28-04-1987	21	20	22	15	8	A2
228	228	Trần Đức Sơn	Nam	23-09-1992	21	21	22	15	8	A2
229	229	Trương Danh Tài	Nam	06-10-1993	24	17	19	13	7.5	A2
230	230	Lê Thị Tâm	Nữ	15-09-1993	18	15	20	15	7	A2
231	231	Nguyễn Thế Tân	Nam	13-09-1989	19	22	20	14	7.5	A2
232	232	Nguyễn Thị Tần	Nữ	26-09-1988	24	22	23	22	9	A2
233	233	Kim Thị Tiến	Nữ	06-11-1989	24	25	22	18	9	A2
234	234	Nguyễn Mạnh Tiến	Nam	27-10-1991	21	19	22	20	8	A2
235	235	Nguyễn Thị Hồng Tiến	Nữ	23-03-1995	19	20	21	14	7.5	A2
236	236	Trần Đức Toàn	Nam	24-01-1990	22	21	22	17	8	A2
237	237	Nguyễn Thị Tới	Nữ	03-08-1991	23	20	21	12	7.5	A2
238	238	Phạm Văn Tuân	Nam	08-10-1992	22	16	18	13	7	A2
239	239	Bùi Anh Tuấn	Nam	28-11-1991	19	23	20	18	8	A2
240	240	Phạm Công Tuấn	Nam	09-02-1994	22	16	21	17	7.5	A2
241	241	Vũ Ngọc Tuấn	Nam	17-12-1995	23	15	22	13	7.5	A2
242	242	Nguyễn Thanh Tùng	Nam	07-10-1992	23	21	22	21	8.5	A2
243	243	Cát Minh Tú	Nam	07-08-1991	22	24	20	15	8	A2
244	244	Đỗ Doãn Tú	Nam	09-01-1992	22	16	20	16	7.5	A2
245	245	Phan Cẩm Tú	Nữ	13-12-1993		20	21	15	5.5	

Danh sách này có 245 học viên

HIỆU TRƯỞNG

ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

GS.TS NGUYỄN VĂN MINH